

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ( **VIETVALUES** )  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285  
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 41
7. Phụ lục – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	42 - 43





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 18 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

### 2. Trụ sở hoạt động

#### • Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 38 966 819
- Fax : + 84 (28) 38 963 210
- Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 4 6 2 6

#### • Thông tin về chi nhánh

1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301444626-030; hạch toán phụ thuộc.
2. Trạm xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-029; hạch toán phụ thuộc.
3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-028; hạch toán phụ thuộc.
4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301444626-032; hạch toán phụ thuộc.
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-034; hạch toán phụ thuộc.
6. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90 Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-040; hạch toán phụ thuộc.
7. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-042; hạch toán phụ thuộc.
8. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-019; hạch toán phụ thuộc.
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-037; hạch toán phụ thuộc.
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-046; hạch toán phụ thuộc.





# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

11. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-017; hạch toán phụ thuộc.
12. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-039; hạch toán phụ thuộc.
13. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-033; hạch toán phụ thuộc.
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-001; hạch toán phụ thuộc.
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-036; hạch toán phụ thuộc.
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-044; hạch toán phụ thuộc.
17. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1B Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-045; hạch toán phụ thuộc.
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-004; hạch toán phụ thuộc.
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-005; hạch toán phụ thuộc.
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace tại 746 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-006; hạch toán phụ thuộc.
21. Cửa hàng xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc.
22. Cửa hàng xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-008; hạch toán phụ thuộc.
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-009; hạch toán phụ thuộc.
24. Trạm xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-010; hạch toán phụ thuộc.
25. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301444626-011; hạch toán phụ thuộc.
26. Trạm rửa xe số 5 tại 02 Tân Lập, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-038; hạch toán phụ thuộc.
27. Cửa hàng thương mại số 1 tại 1A Đoàn Công Hớn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-041; hạch toán phụ thuộc.
28. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-012; hạch toán phụ thuộc.
29. Cửa hàng xăng dầu số 15 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-013; hạch toán phụ thuộc;
30. Siêu thị điện máy 30-4 tại số 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-015; hạch toán phụ thuộc.
31. Cửa hàng xăng dầu số 18 tại Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, mã số chi nhánh 0301444626-031; hạch toán phụ thuộc.
32. Cửa hàng xăng dầu số 20 tại 1459 Quốc lộ 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-016; hạch toán phụ thuộc.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

33. Cửa hàng xăng dầu số 16 tại 189 Xa lộ Hà Nội, Khu phố 3, phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh; mã số kinh doanh 0301444626-021; hạch toán phụ thuộc.
34. Nhà hàng Tiệc cưới Hội Nghị TMC Palace tại 38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

• **Thông tin về công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
I. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

### 4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### 4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Khánh Hưng	Chủ tịch	24/04/2018	-
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Huỳnh Ngọc Thành	Thành viên	04/12/2019	-
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên	24/04/2018	04/12/2019

#### 4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	24/04/2018	-
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Phạm Khắc Vũ Thụy	Thành viên	24/04/2018	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## 4.3 Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	17/07/2018	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	25/11/2016	-
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	15/04/2016	-

## 5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Hoàng Đình Sơn được bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2018.

## 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 09 đến trang 43.

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

## 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

## 9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) năm trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)**

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.*



**TM. Hội đồng Quản trị**

**VÕ KHÁNH HƯNG**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 2007/20/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2020, từ trang 09 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cùng ngày.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Công ty của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



*Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)**



**Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2020-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

28  
NG  
HIỆ  
ÁN  
AI  
P.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>170.559.294.477</b>	<b>106.007.515.329</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	22.325.760.071	37.195.959.514
111	1. Tiền		22.325.760.071	37.195.959.514
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	2.791.299.832	2.912.167.752
121	1. Chứng khoán kinh doanh		4.217.909.088	4.219.051.088
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.426.609.256)	(1.306.883.336)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		41.208.319.192	27.105.359.528
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	36.153.727.724	23.764.439.897
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.935.096.824	998.412.510
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	2.119.494.644	2.342.507.121
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	102.862.064.783	38.749.154.525
141	1. Hàng tồn kho		102.862.064.783	38.749.154.525
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.371.850.599	44.874.010
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		286.254.544	27.000.002
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.085.596.055	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	17.874.008
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>181.056.126.243</b>	<b>188.241.460.589</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		162.490.965.324	169.692.069.344
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	52.543.993.035	57.997.193.063
222	- Nguyên giá		134.546.879.825	134.533.794.794
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(82.002.886.790)	(76.536.601.731)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	109.946.972.289	111.694.876.281
228	- Nguyên giá		126.362.119.803	126.362.119.803
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.415.147.514)	(14.667.243.522)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	7.452.861.230	7.938.917.402
231	- Nguyên giá		12.203.241.726	12.203.241.726
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.750.380.496)	(4.264.324.324)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.721.667.272	3.374.970.182
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	4.721.667.272	3.374.970.182
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	4.981.738.555	4.959.477.501
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.012.871.000	9.012.871.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.031.132.445)	(4.053.393.499)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.408.893.862	2.276.026.160
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	873.894.917	1.618.745.990
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.12	534.998.945	572.324.465
269	4. Lợi thế thương mại	V.13	-	84.955.705
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>351.615.420.720</b>	<b>294.248.975.918</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		150.065.587.722	84.603.339.016
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		138.600.117.026	78.538.673.768
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	75.030.011.713	51.195.099.028
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	429.870.088	859.805.945
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	2.604.360.367	3.005.301.460
314	4. Phải trả người lao động		11.374.396.364	13.528.665.058
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		22.351.849	3.286.873.998
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	4.013.959.742	4.612.002.594
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	39.815.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	5.310.166.903	2.050.925.685
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		11.465.470.696	6.064.665.248
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20	6.637.121.210	1.436.315.762
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.17b	71.349.486	71.349.486
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	V.21	4.757.000.000	4.557.000.000
343	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		201.549.832.998	209.645.636.902
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.22	201.549.832.998	209.645.636.902
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.000.000.000	124.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		28.559.631.451	26.018.941.611
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.000.275.240	31.687.364.108
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		8.829.498.050	4.922.698.962
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		12.170.777.190	26.764.665.146
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		531.805.211	481.210.087
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		351.615.420.720	294.248.975.918

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH

HOÀNG ĐÌNH SƠN

**KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.421.751.558.605	2.634.750.136.077
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.958.688.310	3.225.329.806
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.419.792.870.295	2.631.524.806.271
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	2.288.032.871.329	2.470.731.609.430
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.759.998.966	160.793.196.841
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.034.009.042	3.775.006.482
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	901.980.206	(171.909.625)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		782.008.989	705.503.533
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	73.717.985.230	82.373.146.673
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	38.461.428.508	46.020.608.610
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.712.614.064	36.346.357.665
31	12. Thu nhập khác		2.127.847.591	866.445.368
32	13. Chi phí khác		772.798.393	765.893.570
40	14. Lợi nhuận khác		1.355.049.198	100.551.798
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.067.663.262	36.446.909.463
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	4.646.290.948	7.221.127.739
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.421.372.314	29.225.781.724
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		18.370.777.190	29.244.665.145
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		50.595.124	(18.883.421)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	1.016	1.640
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	1.016	1.640

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG



VIÊN THIÊN KHANH



Giám Đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.067.663.262	36.446.909.463
	2. Điều chỉnh cho các khoản		8.871.406.053	(4.763.395.140)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.7,8,9	8.827.231.299	9.060.139.220
03	- Các khoản dự phòng		97.464.866	(1.479.359.684)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(835.299.101)	(13.049.678.209)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	782.008.989	705.503.533
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.939.069.315	31.683.514.323
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.048.400.486)	(3.317.779.023)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(64.112.910.258)	77.923.778.733
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		22.901.641.505	(60.505.551.849)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		485.596.531	1.421.951.195
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		1.142.000	2.622.457.990
14	- Tiền lãi vay đã trả		(759.657.140)	(761.387.917)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(4.884.709.161)	(7.797.186.603)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	4.870.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.902.805.000)	(7.637.187.499)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.376.162.694)	33.632.609.350
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.7, 10	(3.188.748.545)	(5.449.267.164)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		559.474.794	54.063.911.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	680.237.002	678.304.420
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.949.036.749)	49.292.948.528
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	425.923.700.000	333.366.500.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(386.108.700.000)	(400.158.500.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	VIII.1	(17.360.000.000)	(8.680.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		22.455.000.000	(75.472.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(14.870.199.443)	7.453.557.878
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	37.195.959.514	29.742.401.636
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	22.325.760.071	37.195.959.514

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc







NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH

HOÀNG ĐÌNH SON

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con là Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt (sau đây gọi là “Công ty”).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Vào thời điểm cuối năm nay, Công ty ngưng kinh doanh mặt hàng điện máy, điện lạnh và chuyển sang hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng tại địa điểm ngưng kinh doanh mặt hàng điện máy, điện lạnh trong năm sau.

#### 6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 1 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 công ty.

*Công ty con bao gồm:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 353 nhân viên đang làm việc, tại ngày đầu năm có 372 nhân viên.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.





# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:





# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

#### *Tài sản đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.





# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

### 16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

### 17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

### 18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

### 19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

75-  
TY  
THU  
À TU  
VI  
HỒ C

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	4.773.745.152	9.449.419.502
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.862.609.519	27.121.007.312
- Tiền đang chuyển	689.405.400	625.532.700
<b>Cộng</b>	<b>22.325.760.071</b>	<b>37.195.959.514</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Cổ phiếu có giá giao dịch</i>						
- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (CMV)	1.074.542.224	843.830.000	(230.712.224)	1.074.542.224	1.135.925.000	-
- Công ty CP Vật tư xăng dầu (COM)	585.538.344	1.025.550.000	-	585.538.344	1.171.750.000	-
- Công ty CP Thép Pomina (POM)	479.473.051	133.980.004	(345.493.047)	479.473.051	185.115.700	(294.357.351)
- Tổng Công ty CP Phong Phú (PPH)	662.700.000	718.630.000	-	662.700.000	752.000.000	-
- Công ty CP Thép Nhà Bè (TNB)	678.026.087	365.190.000	(312.836.087)	678.026.087	184.240.000	(493.786.087)
- Công ty CP Lương thực Vĩnh Long (VLF)	607.147.898	69.580.000	(537.567.898)	608.289.898	89.550.000	(518.739.898)
- Công ty CP Dệt Việt Thắng (TVT)	130.481.484	299.000.000	-	130.481.484	340.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.217.909.088</b>	<b>3.455.760.004</b>	<b>(1.426.609.256)</b>	<b>4.219.051.088</b>	<b>3.859.180.700</b>	<b>(1.306.883.336)</b>

Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2019 của các Sở giao dịch chứng khoán.

**Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:**

- Cổ phiếu Công ty CP Lương thực Vĩnh Long giảm do bán bớt 100 cổ phiếu.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.306.883.336)	(1.969.624.369)
Trích lập dự phòng bổ sung	(119.725.920)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	662.741.033
<b>Số cuối năm</b>	<b>(1.426.609.256)</b>	<b>(1.306.883.336)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>9.012.871.000</b>	<b>4.981.738.555</b>	<b>(4.031.132.445)</b>	<b>9.012.871.000</b>	<b>4.959.477.501</b>	<b>(4.053.393.499)</b>
- Công ty CP Dệt Đông Á <sup>(1)</sup>	897.500.000	-	(897.500.000)	897.500.000	-	(897.500.000)
- Công ty CP XNK Vĩnh Long <sup>(2)</sup>	339.000.000	-	(339.000.000)	339.000.000	-	(339.000.000)
- Công Ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec <sup>(3)</sup>	4.186.371.000	1.391.738.555	(2.794.632.445)	4.186.371.000	1.369.477.501	(2.816.893.499)
- Công ty CP Pvoil Sài Gòn <sup>(4)</sup>	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
- CTY TNHH Ba Tháng Hai <sup>(5)</sup>	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.012.871.000</b>	<b>4.981.738.555</b>	<b>(4.031.132.445)</b>	<b>9.012.871.000</b>	<b>4.959.477.501</b>	<b>(4.053.393.499)</b>

Đối với cổ phiếu chưa niêm và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(1) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 897.500.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,88% vốn điều lệ (số đầu năm là 897.500.000 đồng, tương ứng 0,88% vốn điều lệ).

(2) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 339.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,65% vốn điều lệ (số đầu năm là 339.000.000 đồng, tương ứng 0,65% vốn điều lệ).

(3) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 4.186.371.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,08% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.186.371.000 đồng, tương ứng 0,08% vốn điều lệ).

(4) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 3.500.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 1,75% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.500.000.000 đồng, tương ứng 1,75% vốn điều lệ).

(5) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 90.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 90.000.000 đồng, tương ứng 20% vốn điều lệ). Hàng tháng, Công ty nhận mức lãi cố định từ Công ty TNHH Ba Tháng Hai với số tiền là 900.000 đồng/tháng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(4.053.393.499)	(4.781.736.095)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	22.261.054	728.342.596
<b>Số cuối năm</b>	<b>(4.031.132.445)</b>	<b>(4.053.393.499)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chủ yếu là khoản phải thu bán xăng dầu cho khách hàng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	36.153.727.724	23.764.439.897
- Công ty TNHH Điện máy Thủ Đức	11.777.342.790	-
- Công ty TNHH MTV Ngọc Qui	1.500.000.000	798.700.000
- Công ty CP Vận tải Transimex	1.104.034.380	706.538.450
- Công ty TNHH SX DV Vận tải Thái Khôn	914.904.999	1.213.002.209
- Các đối tượng khác	20.857.445.555	21.046.199.238
<b>Cộng</b>	<b>36.153.727.724</b>	<b>23.764.439.897</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.935.096.824	998.412.510
- Công ty CP Vật tư Hậu Giang	2.000.000.000	-
- Công ty Honda Việt Nam – Chi nhánh TP HCM	577.820.755	641.929.845
- Các đối tượng khác	357.276.069	356.482.665
<b>Cộng</b>	<b>2.935.096.824</b>	<b>998.412.510</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.119.494.644	-	2.342.507.121	-
- Ký quỹ ngắn hạn (*)	1.536.583.800	-	1.536.583.800	-
- Tạm ứng ngắn hạn	90.000.000	-	20.000.000	-
- Phải thu khác	492.910.844	-	785.923.321	-
<b>Cộng</b>	<b>2.119.494.644</b>	<b>-</b>	<b>2.342.507.121</b>	<b>-</b>

(\*) Chủ yếu là các khoản ký quỹ để duy trì cấp phép hoạt động kinh doanh xăng dầu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	132.245.048	-	132.245.048	-
- Hàng hóa <sup>(*)</sup>	102.729.819.735	-	38.616.909.477	-
<b>Cộng</b>	<b>102.862.064.783</b>	<b>-</b>	<b>38.749.154.525</b>	<b>-</b>

<sup>(\*)</sup>Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu, xe máy, sắt thép.**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	94.458.277.007	23.080.965.204	16.071.459.064	923.093.519	134.533.794.794
Mua trong năm	794.751.455	-	747.300.000	-	1.542.051.455
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.420.084.378)	(44.742.046)	(64.140.000)	(1.528.966.424)
<b>Số cuối năm</b>	<b>95.253.028.462</b>	<b>21.660.880.826</b>	<b>16.774.017.018</b>	<b>858.953.519</b>	<b>134.546.879.825</b>
<i>Nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>19.155.132.867</i>	<i>15.849.101.654</i>	<i>7.355.789.562</i>	<i>727.406.794</i>	<i>43.087.430.877</i>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	44.261.500.040	19.767.234.732	11.691.657.726	816.209.233	76.536.601.731
Khấu hao trong năm	4.176.347.338	1.223.396.579	1.156.801.197	36.726.021	6.593.271.135
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.041.096.481)	(21.749.595)	(64.140.000)	(1.126.986.076)
<b>Số cuối năm</b>	<b>48.437.847.378</b>	<b>19.949.534.830</b>	<b>12.826.709.328</b>	<b>788.795.254</b>	<b>82.002.886.790</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	50.196.776.967	3.313.730.472	4.379.801.338	106.884.286	57.997.193.063
<b>Số cuối năm</b>	<b>46.815.181.084</b>	<b>1.711.345.996</b>	<b>3.947.307.690</b>	<b>70.158.265</b>	<b>52.543.993.035</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 45.988.780.250 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 4.759.531.678 đồng (xem Thuyết minh V.18).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	56.189.779.636	69.238.100.167	934.240.000	126.362.119.803
Mua trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>56.189.779.636</b>	<b>69.238.100.167</b>	<b>934.240.000</b>	<b>126.362.119.803</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	14.203.099.518	464.144.004	14.667.243.522
Khấu hao trong năm	-	1.630.379.988	117.524.004	1.747.903.992
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>15.833.479.506</b>	<b>581.668.008</b>	<b>16.415.147.514</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	56.189.779.636	55.035.000.649	470.095.996	111.694.876.281
<b>Số cuối năm</b>	<b>56.189.779.636</b>	<b>53.404.620.661</b>	<b>352.571.992</b>	<b>109.946.972.289</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 346.620.000 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 14.121.567.456 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

**9. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	12.203.241.726	12.203.241.726
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.203.241.726</b>	<b>12.203.241.726</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	4.264.324.324	4.264.324.324
Khấu hao trong năm	486.056.172	486.056.172
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.750.380.496</b>	<b>4.750.380.496</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	7.938.917.402	7.938.917.402
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.452.861.230</b>	<b>7.452.861.230</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 51.837.500 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 7.452.861.230 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có các quy định về việc xác định giá trị hợp lý.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Trung tâm TM DV Thủ Đức	12.151.404.226	4.698.542.996	7.452.861.230
- Cửa hàng 2/9 chợ Bình Triệu	51.837.500	51.837.500	-
<b>Cộng</b>	<b>12.203.241.726</b>	<b>4.750.380.496</b>	<b>7.452.861.230</b>

Doanh thu nhận được từ việc cho thuê các bất động sản đầu tư trong kỳ là 2.394.473.580 đồng.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác trong năm	Số cuối năm
- Xây dựng CHXD số 16	3.374.970.182	1.346.697.090	-	-	4.721.667.272
- Xây dựng CHXD số 17	-	300.000.000	-	(300.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.374.970.182</b>	<b>1.646.697.090</b>	<b>-</b>	<b>(300.000.000)</b>	<b>4.721.667.272</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ sử dụng của nhà hàng Rose	314.420.123	996.101.771
- Chi phí trả trước dài hạn khác	559.474.794	622.644.219
<b>Cộng</b>	<b>873.894.917</b>	<b>1.618.745.990</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.618.745.990	3.009.407.185
Tăng trong năm	559.474.794	-
Phân bổ trong năm	(1.304.325.867)	(1.390.661.195)
<b>Số cuối năm</b>	<b>873.894.917</b>	<b>1.618.745.990</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**12. Tài sản dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh <sup>(*)</sup>	534.998.945	572.324.465
<b>Cộng</b>	<b>534.998.945</b>	<b>572.324.465</b>

<sup>(\*)</sup> Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân chia lợi ích: Công ty nhận khoản lãi cố định hàng tháng, tổng số lãi Công ty đã ghi nhận trong kỳ là 2.314.944.540 đồng.

**13. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Thành Thành Đạt	84.955.705	-	(84.955.705)	-
<b>Cộng</b>	<b>84.955.705</b>	<b>-</b>	<b>(84.955.705)</b>	<b>-</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>67.478.109.580</b>	<b>40.767.444.600</b>
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. HCM	39.828.400.000	21.359.180.000
- Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP	12.798.649.000	-
- Công ty CP Xăng dầu, Dầu khí Sài Gòn	14.851.060.580	19.408.264.600
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>7.551.902.133</b>	<b>10.427.654.428</b>
- Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	1.607.642.059	1.844.438.850
- Các đối tượng khác	5.944.260.074	8.583.215.578
<b>Cộng</b>	<b>75.030.011.713</b>	<b>51.195.099.028</b>

Trong đó: Số dư Nợ phải trả người bán ngắn hạn cuối năm quá hạn là 0 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chủ yếu là người mua trả trước tiền tiệc cưới và mua xe honda.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.337.409.349	-	6.986.902.200	(8.119.895.637)	204.415.912	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.354.479.676	17.874.008	4.739.436.325	(4.884.709.161)	1.191.332.832	-
- Thuế thu nhập cá nhân	313.412.435	-	1.978.008.852	(1.863.083.779)	428.337.508	-
- Thuế môn bài	-	-	36.500.000	(36.500.000)	-	-
- Khoản thuế khác	-	-	7.228.696.964	(6.448.422.849)	780.274.115	-
<b>Cộng</b>	<b>3.005.301.460</b>	<b>17.874.008</b>	<b>20.969.544.341</b>	<b>(21.352.611.426)</b>	<b>2.604.360.367</b>	<b>-</b>

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:*

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.067.663.262	36.446.909.463
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	548.319.386	2.380.707.427
+ Phát sinh từ hợp nhất báo cáo	178.901.605	19.989.564
+ Lỗ của công ty con	-	113.300.528
+ Các khoản tăng khác	369.417.769	2.247.417.335
- Các khoản điều chỉnh giảm	(506.610.000)	(2.721.978.192)
+ Phát sinh từ hợp nhất báo cáo	-	(93.945.900)
+ Các khoản giảm khác	(506.610.000)	(2.628.032.292)
Thu nhập chịu thuế	23.109.372.648	36.105.638.698
Chuyển lỗ của công ty con từ các năm trước	(112.739.590)	-
Thu nhập tính thuế	22.996.633.058	36.105.638.698
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.599.326.612	7.221.127.739
Truy thu Thuế TNDN năm trước	46.964.338	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.646.290.948</b>	<b>7.221.127.739</b>
Thuế TNDN nộp thay cho bên liên doanh	93.145.377	107.998.134
Truy thu Thuế TNDN năm trước	-	310.037.361
<b>Tổng Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>4.739.436.325</b>	<b>7.639.163.234</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.013.959.742	4.612.002.594
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	3.445.500.000	3.699.500.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	568.459.742	912.502.594
<b>Cộng</b>	<b>4.013.959.742</b>	<b>4.612.002.594</b>

Trong đó: Số dư Nợ phải trả ngắn hạn khác cuối năm quá hạn là 0 đồng.

(\*) Chủ yếu là nhận ký quỹ từ các đại lý kinh doanh xăng dầu.

**17b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	71.349.486	71.349.486
- Vốn góp của Liên doanh Long Bình (*)	71.349.486	71.349.486
<b>Cộng</b>	<b>71.349.486</b>	<b>71.349.486</b>

Trong đó: Số dư Nợ phải trả dài hạn khác cuối năm quá hạn là 0 đồng.

(\*) Là khoản nhận vốn góp liên doanh của Nguyễn Thị Nghiệp theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	39.815.000.000	39.815.000.000	-	-
- NH TMCP Đầu tư Phát triển – CN Đông Sài Gòn <sup>(1)</sup>	24.815.000.000	24.815.000.000	-	-
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quận 9 <sup>(2)</sup>	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>39.815.000.000</b>	<b>39.815.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/361031/HĐTD ngày 03 tháng 06 năm 2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Hạn mức tín dụng: 90.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/361031/HĐTD ngày 30 tháng 05 năm 2018); Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay: tùy từng lần nhận nợ. Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình và vô hình dùng thế chấp cho khoản vay này là 16.234.793.298 đồng (xem tại Thuyết minh V.7, V.8).



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

<sup>(2)</sup> Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01-0096/GDI.KH/LD18 ngày 27 tháng 03 năm 2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 9; Hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng; Lãi suất vay: tùy từng lần nhận nợ. Giá trị còn lại của Tài sản bất động sản đầu tư dùng để chấp cho khoản vay này là 10.099.167066 đồng (xem tại Thuyết minh V.7, V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	425.923.700.000	(386.108.700.000)	39.815.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>425.923.700.000</b>	<b>(386.108.700.000)</b>	<b>39.815.000.000</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	2.050.925.685	8.907.176.218	4.870.000	(5.652.805.000)	5.310.166.903
<b>Cộng</b>	<b>2.050.925.685</b>	<b>8.907.176.218</b>	<b>4.870.000</b>	<b>(5.652.805.000)</b>	<b>5.310.166.903</b>

**20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.637.121.210</i>	<i>1.436.315.762</i>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	6.637.121.210	1.436.315.762
<b>Cộng</b>	<b>6.637.121.210</b>	<b>1.436.315.762</b>

**21. Dự phòng phải trả dài hạn**

Đây là khoản trích chi phí phải trả về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại điều 5, Thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (PVOIL)	63.257.300.000	51,01	63.257.300.000	51,01
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	18.471.600.000	14,90	18.471.600.000	14,90
- Vốn góp của các đối tượng khác	42.271.100.000	34,09	42.271.100.000	34,09
<b>Cộng</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp		
	124.000.000.000	124.000.000.000	-	
<b>Cộng</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>-</b>	

**22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	124.000.000.000	124.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	124.000.000.000	124.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.360.000.000	8.680.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**22d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

**22e. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	2.400.701.433.776	2.558.116.008.067
+ Doanh thu bán xăng dầu	2.162.300.841.165	2.305.100.001.223
+ Doanh thu bán xe máy	118.867.140.977	115.906.919.252
+ Doanh thu bán sắt thép	24.505.195.417	33.209.183.727
+ Điện máy, điện tử gia dụng	94.002.056.385	102.402.338.327
+ Doanh thu bán gas	1.026.199.832	1.497.565.538
- Doanh thu dịch vụ tiệc cưới	12.808.736.387	13.526.706.245
- Doanh thu cho thuê mặt bằng và khác	6.282.700.132	5.963.635.232
- Doanh thu chuyển nhượng dự án	-	53.918.456.727
<b>Cộng</b>	<b><u>2.419.792.870.295</u></b>	<b><u>2.631.524.806.271</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.281.780.336.620	2.423.005.451.386
+ Giá vốn bán xăng dầu	2.071.011.584.492	2.204.288.348.899
+ Giá vốn bán xe máy	104.213.633.151	98.318.008.760
+ Giá vốn bán sắt thép	22.963.963.070	31.272.658.117
+ Điện máy, điện gia dụng	82.574.002.549	87.639.531.547
+ Giá vốn bán gas	1.017.153.358	1.486.904.063
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp tiệc cưới	5.766.478.537	5.547.564.389
- Giá vốn cho thuê mặt bằng và khác	486.056.172	486.056.172
- Chi phí chuyển nhượng dự án	-	41.692.537.483
<b>Cộng</b>	<u><u>2.288.032.871.329</u></u>	<u><u>2.470.731.609.430</u></u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	173.627.002	235.844.420
- Cổ tức lợi nhuận được chia	506.610.000	442.460.000
- Chuyển nhượng chứng khoán	-	816.903.201
- Thu từ hợp tác kinh doanh	2.314.944.540	2.239.630.911
- Doanh thu tài chính khác	38.827.500	40.167.950
<b>Cộng</b>	<u><u>3.034.009.042</u></u>	<u><u>3.775.006.482</u></u>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	782.008.989	705.503.533
- Trích dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	119.725.920	-
- Hoàn nhập đầu tư tài chính	(22.261.054)	(1.391.083.629)
- Chi phí tài chính khác	22.506.351	513.670.471
<b>Cộng</b>	<u><u>901.980.206</u></u>	<u><u>(171.909.625)</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	44.955.666.918	46.174.223.523
- Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	6.012.430.997	8.435.442.397
- Chi phí khấu hao	7.876.211.345	8.009.029.278
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	14.873.675.970	19.754.451.475
<b>Cộng</b>	<b>73.717.985.230</b>	<b>82.373.146.673</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	23.219.857.932	25.721.102.946
- Chi phí vật liệu quản lý	683.284.581	1.078.955.742
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	464.963.782	553.238.858
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	14.008.366.508	18.647.321.500
- Phân bổ lợi thế thương mại	84.955.705	19.989.564
<b>Cộng</b>	<b>38.461.428.508</b>	<b>46.020.608.610</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.421.372.314	29.225.781.724
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	-	-
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(50.595.124)	18.883.421
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(5.767.731.672)	(8.907.176.218)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.603.045.518	20.337.488.927
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	12.400.000	12.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.016</b>	<b>1.640</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm trích 31,31% theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29/03/2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.421.372.314	29.225.781.724
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	-	-
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(50.595.124)	18.883.421
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(5.767.731.672)	(8.907.176.218)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.603.045.518	20.337.488.927
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	12.400.000	12.400.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.016</b>	<b>1.640</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm trích 31,31% theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29/03/2019.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.695.715.578	9.514.398.139
- Chi phí nhân công	68.175.524.850	71.723.624.469
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.827.231.299	9.060.139.220
- Lợi thế thương mại	84.955.705	19.989.564
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	28.882.042.478	38.197.117.934
<b>Cộng</b>	<b>112.665.469.910</b>	<b>128.515.269.326</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)****1. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (mã số 36)**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Công ty mẹ đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông	(17.360.000.000)	(8.680.000.000)
- Các công ty con đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	-	-
<b>Cộng</b>	<b>(17.360.000.000)</b>	<b>(8.680.000.000)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc)

	Năm nay	Năm trước
- Lương, thưởng, thù lao	4.412.893.808	4.874.266.000
- Cổ tức nhận được	313.390.000	156.695.000
- Số dư phải thu cuối năm	-	-
- Số dư phải trả cuối năm	-	-

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:	Mối quan hệ với Công ty CP TM Xuất nhập khẩu Thủ Đức
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)	Cùng là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)	Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ của Công ty)
- Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP (Petec)	Cùng là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Các giao dịch phát sinh (không bao gồm VAT) và số dư giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)		
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	831.476.672.716	950.563.082.939
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức bán hàng hóa	-	-
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải thu tại ngày cuối năm	-	-
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày cuối năm	14.851.060.580	19.406.445.540

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)		
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	1.201.289.960.445	1.146.562.009.554
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức bán hàng hóa	-	-
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải thu tại ngày cuối năm	-	-
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày cuối năm	39.828.400.000	21.359.180.000
- Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP (Petec)		
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	159.907.135.000	106.519.650.000
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức bán hàng hóa	-	-
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải thu tại ngày cuối năm	-	-
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày cuối năm	12.798.649.000	-

**2. Báo cáo bộ phận**

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	2.162.300.841.165	2.071.011.584.492	91.289.256.673	4,22%
Xe máy	118.867.140.977	104.213.633.151	14.653.507.826	12,33%
Sắt thép	24.505.195.417	22.963.963.070	1.541.232.347	6,29%
Hàng hóa điện máy	94.002.056.385	82.574.002.549	11.428.053.836	12,16%
Gas	1.026.199.832	1.017.153.358	9.046.474	0,88%
Dịch vụ tiệc cưới	12.808.736.387	5.766.478.537	7.042.257.850	54,98%
Cho thuê mặt bằng và khác	6.282.700.132	486.056.172	5.796.643.960	92,26%
<b>Cộng</b>	<b>2.419.792.870.295</b>	<b>2.288.032.871.329</b>	<b>131.759.998.966</b>	<b>5,45%</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

### Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	2.305.100.001.223	2.204.288.348.899	100.811.652.324	4,37%
Xe máy	115.906.919.252	98.318.008.760	17.588.910.492	15,18%
Sắt thép	33.209.183.727	31.272.658.117	1.936.525.610	5,83%
Hàng hóa điện máy	102.402.338.327	87.639.531.547	14.762.806.780	14,42%
Gas	1.497.565.538	1.486.904.063	10.661.475	0,71%
Dịch vụ tiệc cưới	13.526.706.245	5.547.564.389	7.979.141.856	58,99%
Cho thuê mặt bằng và khác	5.963.635.232	486.056.172	5.477.579.060	91,85%
Chuyển nhượng dự án	53.918.456.727	41.692.537.483	12.225.919.244	22,67%
<b>Cộng</b>	<b>2.631.524.806.271</b>	<b>2.470.731.609.430</b>	<b>160.793.196.841</b>	<b>6,11%</b>

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Số liệu so sánh

Tính toán lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu do quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ Kết quả kinh doanh sau thuế của kỳ có sự thay đổi (theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của công ty mẹ và các công ty con) so với số tạm tính.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước	Năm trước trình bày lại	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [2] - [1]
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.618	1.640	22
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.618	1.640	22

### 4. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

*Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**

**5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.*

Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG**

Kế toán trưởng



**VIÊN THIÊN KHANH**

Giám đốc



**HOÀNG ĐÌNH SƠN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**PHỤ LỤC: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>						
Tại ngày 01/01/2018	124.000.000.000	27.458.121.096	24.059.932.101	20.319.116.144	500.093.508	196.337.262.849
Tăng trong kỳ	-	-	1.959.009.510	29.244.665.145	(18.883.421)	31.184.791.234
- Lãi trong năm	-	-	-	29.244.665.145	(18.883.421)	29.225.781.724
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	1.959.009.510	-	-	1.959.009.510
Giảm trong kỳ	-	-	-	(17.876.417.181)	-	(17.876.417.181)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(1.959.009.510)	-	(1.959.009.510)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.720.407.671)	-	(6.720.407.671)
- Chia cổ tức	-	-	-	(8.680.000.000)	-	(8.680.000.000)
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(517.000.000)	-	(517.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	124.000.000.000	27.458.121.096	26.018.941.611	31.687.364.108	481.210.087	209.645.636.902
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
Tại ngày 01/01/2019	124.000.000.000	27.458.121.096	26.018.941.611	31.687.364.108	481.210.087	209.645.636.902
Tăng trong kỳ	-	-	2.540.689.840	18.370.777.190	50.595.124	20.962.062.154
- Lãi trong kỳ	-	-	-	18.370.777.190	50.595.124	18.421.372.314
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	2.540.689.840	-	-	2.540.689.840
Giảm trong kỳ	-	-	-	(29.057.866.058)	-	(29.057.866.058)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(2.540.689.840)	-	(2.540.689.840)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(8.907.176.218)	-	(8.907.176.218)
- Chia cổ tức	-	-	-	(17.360.000.000)	-	(17.360.000.000)
- Thường HĐQT và BKS	-	-	-	(250.000.000)	-	(250.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	124.000.000.000	27.458.121.096	28.559.631.451	21.000.275.240	531.805.211	201.549.832.998

(\*) Chi tiết tình hình tăng giảm lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2019 như sau:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong	Số đầu năm	Lãi/Lỗ trong năm nay	Phân phối lợi nhuận	Số cuối năm
Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới Hội nghị Thành Thành Đạt	481.210.087	50.595.124	-	531.805.211
<b>Cộng</b>	<b>481.210.087</b>	<b>50.595.124</b>	<b>-</b>	<b>531.805.211</b>

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.







2007 / 20 / BCKT / AUD - VVALUES